

Bản án số: 250/2021/HS-PT
Ngày 27 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Vũ Ngọc Huynh

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 728/2020/TLPT- HS ngày 18 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Vũ Thanh A do có kháng cáo của hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với bản án hình sự sơ thẩm số 70/2020/HSST ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị cáo: **Vũ Thanh A**, sinh năm 1981 tại tỉnh Bắc Ninh; HKTT: 842/18/18/10 B, phường C, thành phố D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; cha Vũ Xuân Đ; mẹ Lê Thị E, sinh năm 1954 (đã chết); vợ thứ nhất: Nguyễn Thị F (đã ly hôn), có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2007; vợ thứ hai: Nguyễn Thị G (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 77/2020/HSPT ngày 01/9/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt Vũ Thanh A 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2019; Bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị bắt ngày 15/10/2019 (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Đoàn Trọng H - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị hại:

1. Ông Lê Khả I, sinh năm 1982; địa chỉ: 855B9 B, phường J, thành phố D, Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của Ông Lê Khả I: ông Trương Ngô Hồng K, sinh năm 1986; địa chỉ: 427/3 L, M, TP. D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. Ông Phạm Trọng H1, sinh năm: 1971; địa chỉ: 72 Z, M, TP. D, Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị N, sinh năm: 1982; địa chỉ: 842/18/18/10 B, phường C, TP. D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Ông Trần Văn O, sinh năm 1985; Địa chỉ: Văn phòng công chứng P, 41 đường 27/4, phường Q, Tp. R, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn S, sinh năm 1981

Địa chỉ: 45 T, phường U, Tp. R, tỉnh BRVT

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, bà Hoàng Thị N (sinh năm 1982, trú tại số 842/18/18/10 B, phường C, Thành phố D) có ký với Ngân Hàng V Vũng Tàu một hợp đồng tín dụng số 2017.0259.HDTD.671 ngày 27/7/2019, để vay mua ô tô tiêu dùng và thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là một xe ô tô hiệu FORD RANGER, biển số 72C- 108.02; số khung FF20HW728186; số máy P4AT2445058. Sau khi mua xe ô tô trên, bà N thuê Vũ Thanh A (là chồng nhưng đã ly hôn vào năm 2016), đi giao hàng (thịt gà) cho bà N để A có tiền hỗ trợ bà N nuôi một con chung và giao xe ô tô trên cho Vũ Thanh A quản lý, sử dụng để đi giao hàng (nội dung này bà N và A thỏa thuận miệng với nhau, không có hợp đồng). Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên Vũ Thanh A đã thực hiện hai vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng tháng 11/2018, Vũ Thanh A đến gặp anh Lê Khả I (sinh năm 1982, trú tại số 855B B, Phường J, Thành phố D) vay tiền và thế chấp chiếc xe trên, nhưng anh I hỏi chiếc xe trên do ai là chủ sở hữu, A nói của vợ A nên anh I không đồng ý và nói phải sang tên A là chủ sở hữu anh I sẽ cho vay tiền. Thấy yêu cầu của anh I không thực hiện được nên A dùng điện thoại di động của mình, lên mạng Internet truy cập, tìm kiếm các trang mạng làm giấy tờ giả, đặt làm 02 giấy chứng nhận đăng ký xe giả của xe ô tô Ford Ranger biển số 72C-108.02 do A đứng tên là chủ sở hữu với giá là 12 triệu đồng (01 giấy 6 triệu đồng). Khoảng 10 ngày sau A được nhân viên giao hàng chuyển phát nhanh đến nhà, giao cho một bưu phẩm, bên ngoài bưu phẩm không ghi địa chỉ, tên người gửi cụ thể mà chỉ ghi Sài Gòn quận 12 gửi, bên trong bưu phẩm là 02 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả mà A đặt làm và nhân viên này thu của A số tiền 12

triệu đồng. Sau khi nhận được 02 giấy chứng nhận đăng ký xe giả, ngày 22/11/2018, A mang xe ô tô trên đến thỏa thuận bán xe cho anh I với giá 400 triệu đồng, đến chiều cùng ngày A và anh I đã đến Phòng Công chứng W, trụ sở tại phường 8, thành phố D thực hiện các thủ tục mua bán xe theo quy định. Sau khi thực hiện xong thủ tục mua bán xe, A đã giao cho anh I xe ô tô Ford Ranger trên và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả đứng tên A là chủ sở hữu và nhận của anh I số tiền 400 triệu đồng. Để tránh việc bà N phát hiện việc A đã bán ô tô biển số 72C-108.02 cho anh I, nên sau khi bán xe cho anh I, A đã thỏa thuận với anh I thuê lại xe ô tô này với giá 12 triệu đồng một tháng để tiếp tục sử dụng đi giao hàng cho bà N.

Vụ thứ hai:

Khoảng tháng 01 năm 2019, cũng do cần tiền tiêu xài nên Vũ Thanh A đã điều khiển xe ô tô Ford Ranger biển số 72C - 108,02 của bà N đến quán cà phê số 28 trên đường Y, M, Thành phố D gặp anh Phạm Trọng X (sinh năm 1971, trú tại số 72 Z, phường 9, Thành phố D) hỏi vay số tiền 200 triệu đồng. Anh X đồng ý cho A vay với điều kiện A phải có tài sản để thế chấp. Sau khi anh X đưa ra yêu cầu, A đã đề nghị thế chấp xe ô tô của bà N cho anh X, A nói với anh X xe ô tô này là của A và đưa cho anh X xem 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do A làm giả mang tên A là chủ sở hữu để anh X tin là xe ô tô của A. Sau khi xem giấy tờ xong, anh X đồng ý nhận thế chấp xe ô tô biển số 72C- 108.02 và yêu cầu A phải giao xe ô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe cho anh X giữ. A thỏa thuận với anh X, cho A được tạm thời giữ xe để làm phương tiện đi lại giao hàng, A sẽ giao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và chứng minh nhân dân của A cho anh X nếu giữ trước, A không trả tiền đúng hạn cho anh X thì sẽ giao xe ô tô lại cho anh X giữ. A và anh X thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng, với lãi suất là 5% một tháng. Sau khi nhận đủ 200.000.000đ A đã đóng cho anh X hai tháng tiền lãi với số tiền là 20 triệu đồng (10 triệu đồng một tháng), Đến tháng 03/2019, do không có tiền trả cho anh X theo thỏa thuận, A đã mang xe ô tô Ford Ranger biển số 72C-108.02 trên đến giao lại cho anh X giữ. Ngày 04/4/2019, A điện thoại cho anh X vay số tiền 50 triệu đồng, anh X đồng ý và nhờ chị Phạm Thị Hoàng A1, sinh năm 1977, trú tại số 111 B1, C1, Thành phố D, chuyển vào tài khoản của A số 0081001249251 mở tại Ngân hàng D1 chi nhánh Vũng Tàu số tiền 47.500.000 đồng (do A trả 2,5 triệu đồng tiền lãi trước cho anh X). Sau đó A bỏ trốn khỏi địa phương. Anh X đã dùng xe ô tô trên làm phương tiện đi lại, đến ngày 09/4/2019, khi anh X đang dùng xe tại địa chỉ số 02 Đ1, phường E1, thành phố D thì bà N và chị ruột là bà Hoàng Thị F1, trú tại số 855B8 B, Phường J, Tp. D, phát hiện thấy xe ô tô 72C - 108.02 của bà N do người lạ mặt điều khiển không phải là A, nên đã giữ lại và trình báo công an phường E1, Thành phố D. Sau đó công an phường E1 đã bàn giao vụ việc cho công an M, Thành phố D giải quyết, Công an M đã lập biên bản tạm giữ đối với xe ô tô trên và chuyển toàn bộ hồ sơ và tang vật về Công an thành phố D.

Ngày 12/4/2019, anh Phạm Trọng X đã gửi đơn tố giác Vũ Thanh A về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh số tiền 247.500.000 đồng và giao nộp cho Công an phường 09 một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Ford Ranger biển

số 72C-108.02 đứng tên Vũ Thanh A là chủ sở hữu và 01 giấy chứng minh nhân dân số 273641700 mang tên Vũ Thanh A. Do biết được vụ việc tranh chấp xe ô tô giữa anh X và bà N, nên anh I đã điện thoại cho A để hỏi rõ vụ việc, thì được A cho biết xe ô tô là của bà N, không phải của A, do cần tiền tiêu xài nên A đã làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên A rồi bán cho anh I. Ngày 03/5/2019, anh I đã làm đơn tố giác A đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh I đồng thời giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 hợp đồng mua bán tài sản (01 xe ô tô Ford Ranger biển số 72C-108.02) giữa anh I và Vũ Thanh A đã được Phòng Công chứng W công chứng (số công chứng 370, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/11/2018); giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Ford Ranger biển số 72C-108.02 đứng tên Vũ Thanh A; 01 hợp đồng thuê xe ô tô 72C-108.02 giữa anh I và A ngày 22/11/2018; 01 giấy bán xe mô tô biển số 72K6-1818 giữa anh I và A ghi ngày 08/11/2018.

Ngày 15/5/2019 và ngày 20/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra Quyết định trưng cầu giám định số: 286/QĐ-Đ1 và số 327/QĐ-Đ1 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh BR - VT giám định 02 (hai) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 025183, tên chủ xe Vũ Thanh A, địa chỉ: số 842/18/18/10 B, phường C, Vũng Tàu. Ngày 31/5/2019 và ngày 03/7/2019 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh BR - VT có kết luận giám định số 298/PC09-Đ3, số 940/PC09-Đ3 kết luận;

- + Phôi giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025183, mang tên Vũ Thanh A ngày 26/7/2019, có chữ ký mang tên Nguyễn Tiến L1 (ký hiệu A) là phôi giả. Phôi được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- + Chữ ký mang tên Nguyễn Tiến L1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Nguyễn Tiến L1 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng một người ký ra.

- + Hình dấu tròn trên Tài liệu cần giám định ký hiệu A không phải do con dấu có hình dấu mẫu trên tài liệu ký hiệu M2 đóng ra. Hình dấu được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

Đối với Công Chứng viên của Phòng Công chứng G1, trụ sở tại phường 8, Thành phố D: Qua điều tra xác định quá trình công chứng hợp đồng mua bán xe, bị can A đã giao cho công chứng viên đầy đủ các giấy tờ bản chính theo quy định và sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên A, do A làm giả tình vì nên công chứng viên đã không phát hiện ra. Kết quả tra cứu thông tin tài sản (xe ô tô Ford Ranger biển kiểm soát 72C-108.02 tại thời điểm công chứng hợp đồng mua bán) không tìm thấy thông tin ngăn chặn, hạn chế chuyển nhượng đối với tài sản nên công chứng viên đã thực hiện việc công chứng theo quy định. Công chứng viên của Phòng Công chứng W không biết giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô là giả nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

Đối với hành vi ngày 04/4/2019, A điện thoại cho anh X vay số tiền 50 triệu đồng, anh X đồng ý và nhờ chị Phạm Thị Hoàng A1 chuyển vào tài khoản của A số tiền 47.500.000 đồng (do A trả 2,5 triệu đồng tiền lãi trước cho anh X).

Đây là giao dịch dân sự nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, anh X có quyền khởi kiện ra Tòa để giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 70/2020/HSST ngày 12 tháng 11 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quyết định:

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 38 Luật Công chứng, chứng thực năm 2014;

Buộc bị cáo Vũ Thanh A phải bồi thường cho Ông Phạm Trọng H1 số tiền là 250.000.000 đồng

Buộc bị cáo Vũ Thanh A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn K1 liên đới trách nhiệm bồi thường cho Ông Lê Khả I số tiền là 400.000.000 đồng

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/11/2020 Ông Lê Khả I kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị cáo và Phòng Công chứng W cùng công chứng viên phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường 400.000.000 đồng cho bị hại.

Ngày 01/12/2020 ông Trần Văn O kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do có dấu hiệu lộn hành vi phạm tội của bà J1, phải xác định Văn Phòng Công chứng W là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ phải bồi thường cho bị hại chứ không phải công chứng viên. Đề nghị các cơ quan tiến hành tố tụng xin lỗi công khai với ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Vũ Thanh A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội. Đối với ông Trần Văn O công chứng viên là người xử lý hồ sơ theo lời khai là ông O biết việc thế chấp chiếc xe nhưng tòa án sơ thẩm chưa làm rõ. Đề nghị hủy toàn bộ bản án để làm rõ trách nhiệm của Công chứng viên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn O tranh luận: Căn cứ lời khai của ông Triệu Hải I1 (thư ký giúp việc cho ông O) thì tại thời điểm yêu cầu công chứng có người phụ nữ đi cùng nhưng không được cơ quan điều tra làm rõ. Việc giao dịch mua bán xe giữa bị cáo và bị hại có phải là hình thức che đậy việc vay tiền giữa hai bên. Ông O thực hiện công chứng theo đúng quy định, chưa có cơ quan chức năng hay ai đề nghị tuyên bố giao dịch và tuyên vô hiệu hợp đồng nhưng buộc công chứng viên bồi thường là không đúng theo quy định Điều 5 Luật công chứng. Tòa án sơ thẩm không đưa Văn Phòng Công chứng W vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do đó đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông rút yêu cầu kháng cáo về việc buộc Tòa án, Viện kiểm sát công khai xin lỗi ông.

Người đại diện của Ông Lê Khả I tranh luận: Khi làm thủ tục công chứng Ông I có gặp bị cáo và người phụ nữ đứng ở đó, ông có hỏi người phụ nữ có liên

quan gì thì bị cáo nói không rành giấy tờ nên nhờ đi cùng, sau khi công chứng xong thì thấy bị cáo đưa tiền cho người phụ nữ. Đối với ông Trần Văn O tuy biết xe hiện đang cầm cố ngân hàng mang tên bà Hoàng Thị N, tại thời điểm chuyển nhượng lại mang tên bị cáo A nhưng vẫn làm thủ tục chuyển nhượng là vi phạm quy định, nên cần phải buộc ông O và văn Phòng Công chứng W phải bồi thường cho ông.

Người bào chữa của bị cáo tranh luận: Xác định công chứng viên là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đúng, cần đưa Văn Phòng Công chứng W, nhân viên Triệu Hải I1 và bà J1 vào tham gia tố tụng, đề nghị làm rõ trách nhiệm của công chứng viên Trần Văn K1. Do vậy đề nghị hủy toàn bộ bản án để điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời khai bị cáo tại cơ quan điều tra, tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng:

[1] Đơn kháng cáo của Ông Lê Khả I và Trần Văn K1 nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Qua xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Ông Lê Khả I khai nhận: Khi đến Văn Phòng Công chứng W làm thủ tục mua bán xe ô tô giữa bị cáo và bị hại thì cán bộ công chứng kiểm tra hồ sơ có biết chủ chiếc xe là bà Hoàng Thị N và đang được thế chấp cho ngân hàng, báo lại cho ông O là công chứng viên biết nhưng ông O vẫn ký công chứng Hợp đồng chuyển nhượng dẫn đến hậu quả bị hại bị lừa số tiền 400.000.000 đồng. Do đó đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Trần Văn O.

Người đại diện theo ủy quyền của ông O cũng thừa nhận tại thời điểm ký hợp đồng, kiểm tra hồ sơ ông O có biết là chiếc xe được thế chấp ngân hàng và do bà N đứng tên nhưng nghĩ rằng do thời gian đã lâu bà N đã sang tên và giải chấp ngân hàng nên đã ký công chứng hợp đồng chuyển nhượng ô tô giữa bị cáo và bị hại. Ông O đã tiếp nhận đầy đủ giấy tờ hồ sơ giữa hai bên nên ký công chứng hợp đồng chuyển nhượng là hoàn toàn đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng việc điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm chưa làm rõ hành vi của ông Trần Văn O đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án là có cơ sở, lời khai của các bên đương sự là phù hợp. Ông O biết chiếc xe mang tên bà Hoàng Thị N đang thế chấp tại ngân hàng nhưng tại thời điểm làm hợp đồng chuyển nhượng lại mang tên bị cáo nhưng vẫn làm thủ tục công chứng cần được làm rõ.

Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện viện kiểm sát hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án. Lời khai của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là tình tiết mới nên việc hủy bản án Hội đồng xét xử sơ thẩm không có lỗi.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Khả I và Trần Văn K1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2020/HS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Giao hồ sơ lại cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để điều tra lại vụ án.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Vũ Thanh A đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý lại hồ sơ.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Ông Lê Khả I và Trần Văn K1 không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Trại giam tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; bị cáo
- Bị hại và NCQLNVLQ
- Lưu hồ sơ vụ án (3). 17b (MTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huyền Vân